

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ
MỘT THẾ
GIỚI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI
DN: CN=, Serial No.=1, o=303,
Tháp Tây, Chung Cư Học Viện
Quốc Phòng, Phường Xuân La,
Quận Tây Hồ, DC-CÔNG TY CỔ
PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI
CN-CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH
VỤ MỘT THẾ GIỚI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1+M
ST=030507037
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2025.03.28 15:37:42
Foxit Reader Version: 9.6.0



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI

Tầng 8, 39A Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0306507037 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2009 và được thay đổi lần 15 ngày 22/12/2025 do phòng đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp – Sở tài chính thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Võ Lê Đức Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/08/2025
Ông Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/08/2025
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/08/2025
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/08/2025
Ông Trần Vinh Thu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/08/2025
Ông Nguyễn Thành Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/08/2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Đỗ Long Bảo	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/08/2025
Bà Dương Thị Linh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/08/2025
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/08/2025
Bà Lê Thị Thanh Hóa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/08/2025
Ông Nguyễn Trường Ka	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/08/2025
Bà Trần Thị Phương Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/08/2025

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Nguyễn Khánh Hoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/08/2025
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/08/2025
Bà Lê Thị Thúy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/08/2025
Ông Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/08/2025
Ông Lê Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2025
Ông Vũ Thành Thuyên	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/01/2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2025 đến ngày 16/01/2025 là ông Nguyễn Quang Thắng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Thành Long - Tổng Giám đốc, từ ngày 16/01/2025 đến ngày 08/08/2025 là ông Nguyễn Quang Thắng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Bà Lê Thị Thúy - Tổng Giám đốc, từ ngày 08/08/2025 đến ngày 30/08/2025 là ông Nguyễn Tuấn Anh - Tổng Giám đốc và từ ngày 30/08/2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này là bà Nguyễn Khánh Hoàn - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 68/2024/TT-BTC.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Khánh Hoàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Số: 0310.1/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới

Chúng tôi đã Kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31/12/2025, số lỗ lũy kế của Công ty là 17.087.671.820 VND (số lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 01/01/2025 là 19.874.531.025 VND). Điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và cam kết về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty theo Thuyết minh tại mục 2.2 – "Giả định hoạt động liên tục" của Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào những thành công trong các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty trong tương lai. Báo cáo tài chính của Công ty được lập vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập dựa trên giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến của chúng tôi.



NGUYỄN PHƯƠNG THÚY

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4567-2022-283-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2023-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.928.234.117	7.266.411.807
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	556.631.831	96.960.599
1. Tiền	111		556.631.831	96.960.599
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.470.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	1.470.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.262.548.740	7.169.451.208
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	9.629.483.809	7.305.692.257
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	25.867.905.980	86.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	-	12.100.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(234.841.049)	(234.841.049)
IV. Hàng tồn kho	140		1.245.000.000	-
1. Hàng tồn kho	141	4.7	1.245.000.000	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		394.053.546	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	190.681.620	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		193.603.682	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	4.13	9.768.244	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.720.784.118	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.720.784.118	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	4.720.784.118	-
- Nguyên giá	222		4.966.973.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(246.188.882)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		43.649.018.235	7.266.411.807

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		40.736.690.055	7.140.942.832
I. Nợ ngắn hạn	310		37.179.492.404	7.140.942.832
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	624.959.451	6.253.470.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	551.830.998	171.783.806
3. Phải trả người lao động	314		136.317.263	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	80.000.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	786.384.692	-
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	35.000.000.000	715.689.026
II. Nợ dài hạn	330		3.557.197.651	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	3.557.197.651	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.912.328.180	125.468.975
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	2.912.328.180	125.468.975
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.087.671.820)	(19.874.531.025)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(19.874.531.025)	(20.318.255.677)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.786.859.205	443.724.652
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		43.649.018.235	7.266.411.807



Người lập biểu
Vũ Thành Thuỳn



Kế toán trưởng
Vũ Thành Thuỳn



Tổng Giám đốc

Nguyễn Khánh Hoàn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	22.746.160.270	28.764.891.665
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		22.746.160.270	28.764.891.665
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	17.844.204.306	27.864.396.608
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.901.955.964	900.495.057
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.699.058	549.119
7. Chi phí tài chính	22	5.4	784.482.192	(29.448.299)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		784.482.192	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	681.402.740	398.194.315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		3.439.770.090	532.298.160
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	5.6	30.312.058	499.539
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(30.312.058)	(499.539)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.409.458.032	531.798.621
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	622.598.827	88.073.969
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.786.859.205	443.724.652
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	1.393	222
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.8	507	222

Người lập biểu
Vũ Thành Thuyên

Kế toán trưởng
Vũ Thành Thuyên



Tổng Giám đốc
Nguyễn Khánh Hoàn
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.409.458.032	531.798.621
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		246.188.882	-
- Các khoản dự phòng	03		-	(39.038.260)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.699.058)	(549.119)
- Chi phí lãi vay	06		784.482.192	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.436.430.048	492.211.242
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.296.469.458)	(7.157.947.783)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.245.000.000)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.487.714.960)	6.318.788.733
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(190.681.620)	-
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.470.000.000)	212.588.260
- Thuế TNDN đã nộp	15		(177.227.461)	(17.754.014)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(32.430.663.451)	(152.113.562)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.966.973.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.699.058	549.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.963.273.942)	549.119

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	37.945.608.625	4.225.750.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(92.000.000)	(3.993.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37.853.608.625	232.750.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		459.671.232	81.185.557
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		96.960.599	15.775.042
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		556.631.831	96.960.599



Người lập biểu
Vũ Thành Thuyên



Kế toán trưởng
Vũ Thành Thuyên



Tổng Giám đốc
Nguyễn Khánh Hoàn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0306507037 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2009 và được thay đổi lần 15 ngày 22/12/2025 do phòng đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp – Sở tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm); Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Sữa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;....

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2025, không có hoạt động nào ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên báo cáo của công ty.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2025, số lỗ lũy kế của Công ty là 17.087.671.820 VND (số lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 01/01/2025 là 19.874.531.025 VND). Điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã có những đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và đưa ra các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của công ty như sau:

- Công ty không có bất kỳ vụ kiện nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn đến các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.

- Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua về việc ký các hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị tuabin gió với Công ty CP Phong điện la Pét Đak Đoa Số Một và Công ty CP Phong điện la Pét Đak Đoa Số Hai với tổng giá trị 2 hợp đồng dự kiến là 117.500.000.000 đồng và thời gian triển khai là từ ngày 01/07/2025 đến hết 30/06/2030 (trong đó các hợp đồng đã ký trong năm 2025 với tổng giá trị là 6.160.050.000 đồng); Hợp đồng cung cấp vật tư hàng hóa cho Công ty CP Xây dựng Green Energy với giá trị dự kiến là 200.000.000.000 đồng và thời gian triển khai là từ 01/02/2025 đến hết 31/01/2027.

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra kế hoạch đề nghị tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ nhằm mục đích trả nợ khoản vay ngắn hạn nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ngày 16/03/2026, Công ty đã kết thúc đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ với tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là: 35.000.000.000 đồng.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng các đánh giá trên là đúng đắn, các kế hoạch được đưa ra là khả thi và Công ty vẫn tiếp tục các hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

3.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

3.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.14 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	245.849.975	1.613.625
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	310.781.856	95.346.974
	556.631.831	96.960.599

4.2 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Cổ phiếu	1.470.000.000	-	-	-
Công ty CP thăm mỹ Valis Luxury	1.470.000.000	-	(i)	-
	1.470.000.000	-	-	-
				(i)

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.
Ngày 24/03/2026, Công ty đã ký hợp đồng số 0103/2026/HĐCN với ông Lê Anh Tuấn để nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Công ty CP thăm mỹ Valis Luxury.

4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Sen Vàng Kinh Bắc	-	3.144.225.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thái	-	3.145.020.000
Công ty CP Phong điện IA Pét Đak Đoa số hai	3.316.950.000	-
Công ty CP Phong điện IA Pét Đak Đoa số một	2.843.100.000	-
Công ty CP Xây dựng Green Energy	3.246.092.760	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	223.341.049	1.016.447.257
	9.629.483.809	7.305.692.257

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại XNK Công nghệ cao Việt Nam	1.975.814.640	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ SunTech	7.065.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghi Khang Gia Lai	16.500.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	75.000.000	75.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	252.091.340	11.500.000
	25.867.905.980	86.500.000

4.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	-	-	12.100.000	-
	-	-	12.100.000	-

4.7 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.245.000.000	-	-	-
	1.245.000.000	-	-	-

4.8 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	190.681.620	-
	190.681.620	-

4.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	1.730.000.000	3.236.973.000	4.966.973.000
- Mua trong năm	1.730.000.000	3.236.973.000	4.966.973.000
Số dư cuối năm	1.730.000.000	3.236.973.000	4.966.973.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	109.982.402	136.206.480	246.188.882
- Khấu hao trong năm	109.982.402	136.206.480	246.188.882
Số dư cuối năm	109.982.402	136.206.480	246.188.882
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	1.620.017.598	3.100.766.520	4.720.784.118

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 0 đồng, tại ngày 01/01/2025 là 0 đồng;

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp, bảo đảm các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 0 đồng, tại ngày 01/01/2025 là 0 đồng.

4.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hoàng Cầu House	-	-	3.128.325.000	3.128.325.000
Công ty CP Nông sản Vĩnh Phát	-	-	3.125.145.000	3.125.145.000
Công ty TNHH TM DV XD Điện Miền Trung	518.917.875	518.917.875	-	-
Các nhà cung cấp khác	106.041.576	106.041.576	-	-
	624.959.451	624.959.451	6.253.470.000	6.253.470.000

4.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước lương tháng thứ 13	80.000.000	-
	80.000.000	-

4.12 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đặc sản Ba Miền Việt Nam	784.482.192	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.902.500	-
	786.384.692	-

4.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	4.356.418	-	127.826.010	69.545.418	-	53.924.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	551.830.998	177.227.461	622.598.827	-	106.459.632
Thuế thu nhập cá nhân	5.411.826	-	40.064.000	23.252.174	-	11.400.000
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	9.768.244	551.830.998	348.117.471	718.396.419	-	171.783.806

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.14 Vay và nợ thuế tài chính
4.14.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Điều chỉnh		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ông Nguyễn Quang Thắng (i)	715.689.026	715.689.026	1.470.000.000	2.173.589.026	12.100.000	-	-	-
Ông Vũ Thành Thuyền (ii)	-	-	1.475.608.625	1.475.608.625	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đặc sản Ba Miền (iii)	-	-	35.000.000.000	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	715.689.026	715.689.026	37.945.608.625	3.649.197.651	12.100.000	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn là các bên liên quan (chỉ tiết Thuyết minh số 7.3)	715.689.026	715.689.026						

(*) Từ ngày 16/08/2025 ông Nguyễn Quang Thảng không còn là chủ tịch HĐQT và không còn là bên liên quan với Công ty.

4.14.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ông Nguyễn Quang Thảng (i)	-	-	1.475.608.625	-	1.475.608.625	1.475.608.625
Ông Vũ Thành Thuyên (ii)	-	-	2.081.589.026	-	2.081.589.026	2.081.589.026
			1.475.608.625	-	1.475.608.625	1.475.608.625
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			3.557.197.651		3.557.197.651	3.557.197.651

Thông tin chi tiết các khoản vay

(i) Khoản vay Ông Nguyễn Quang Thảng theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 01/05/2024 với hạn mức là 6.000.000.000 VND. Thời gian mượn tiền từ ngày 01/05/2024 đến ngày 30/04/2025. Lãi suất vay 0%/năm. Phụ lục hợp đồng vay số 02 gia hạn hợp đồng vay số 02 gia hạn hợp đồng vay số 02/05/2027.

(ii) Khoản vay ông Vũ Thành Thuyên theo hợp đồng vay tiền ngày 19/06/2025 với số tiền: 2.000.000.000 VND. Thời gian mượn tiền theo phụ lục số 01 ngày 04/12/2025 đến hết ngày 20/06/2027, lãi suất: 0%/năm.

(iii) Hợp đồng cho vay số 1808/2025/BAMIEN-ONW ngày 18/08/2025:

- Số tiền vay: 35.000.000.000 VND;

- Thời hạn vay: 12 tháng;

- Lãi suất: 6,4%/năm;

- Biện pháp bảo đảm: tín chấp;

- Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể: Buôn bán các loại vật tư, vật liệu, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống thiết bị của nhà máy điện gió.

4.15 **Vốn chủ sở hữu**

4.15.1 **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	(20.318.255.677)	(318.255.677)
Tăng trong năm			
- <i>Lãi trong năm</i>	-	443.724.652	443.724.652
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	(19.874.531.025)	125.468.975
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	(19.874.531.025)	125.468.975
Tăng trong năm			
- <i>Lãi trong năm</i>	-	2.786.859.205	2.786.859.205
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	(17.087.671.820)	2.912.328.180

4.15.2 **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Nguyễn Quang Thắng	-	0,00%	3.965.000.000	19,83%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	0,00%	3.500.000.000	17,50%
Bùi Việt Anh	-	0,00%	2.317.000.000	11,59%
Nguyễn Thị Ngọc Mai	4.362.000.000	21,81%	-	0,00%
Nguyễn Tuấn Anh	4.900.000.000	24,50%	-	0,00%
Vốn góp các cổ đông khác	10.738.000.000	53,69%	10.218.000.000	51,09%
	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%

4.15.3 **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.15.4 **Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

4.15.5 Phân phối lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	(19.874.531.025)	(20.318.255.677)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	2.786.859.205	443.724.652
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	(17.087.671.820)	(19.874.531.025)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	(17.087.671.820)	(19.874.531.025)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.746.160.270	28.764.891.665
	22.746.160.270	28.764.891.665

5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.844.204.306	27.864.396.608
	17.844.204.306	27.864.396.608

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.699.058	549.119
	3.699.058	549.119

5.4 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	784.482.192	-
Hòa nhập/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(29.448.299)
	784.482.192	(29.448.299)

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	239.610.000	330.000.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	302.370.685	65.194.315
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	26.439.653	-
	681.402.740	398.194.315

5.6 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính và chậm nộp	30.312.058	484.659
Chi phí khác	-	14.880
	30.312.058	499.539

5.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	579.607.866	106.459.632
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	42.990.961	(18.385.663)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	622.598.827	88.073.969

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.409.458.032	531.798.621
Các khoản điều chỉnh tăng	-	499.539
Các khoản chi phí không được trừ	-	499.539
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.409.458.032	532.298.160
Thuế suất thuế TNDN	17%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	579.607.866	106.459.632

5.8 Lãi cơ bản, suy giảm trên Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.786.859.205	443.724.652
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.786.859.205	443.724.652
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.393	222
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (i)	3.500.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	507	222

(i) Công ty dự kiến phát hành thêm 3.500.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược theo nghị quyết ĐHCĐ số 02/2025/NQ-ĐHCĐ/ONW ngày 16/08/2025 và Nghị quyết HĐQT số 0412/2025/HĐQT-NQ ngày 04/12/2025 v/v thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ mục đích để trả nợ vay Công ty Cổ phần đặc sản Ba Miền.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	37.945.608.625	4.225.750.000
	37.945.608.625	4.225.750.000

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	92.000.000	3.993.000.000
	92.000.000	3.993.000.000

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 16/03/2026, Công ty đã kết thúc đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ với tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là: 35.000.000.000 đồng.

Ngoài những sự kiện nêu trên, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.3.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

			Năm nay VND			Năm trước VND
			Tiền thưởng	Tiền lương	Tổng cộng	
Nguyễn Khánh Hoàn	Tổng Giám đốc		5.000.000	69.409.137	74.409.137	-
Ông Vũ Thành Thuyền	Kế toán trưởng		5.000.000	140.000.000	145.000.000	-
			5.000.000	69.409.137	74.409.137	-

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

		Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Các giao dịch khác				
Ông Nguyễn Quang Thắng	Đi vay		1.470.000.000	4.225.750.000
	Trả tiền vay		92.000.000	3.993.000.000

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các thành viên quản lý chủ chốt

		Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn		
Ông Nguyễn Quang Thắng		715.689.026
		715.689.026

Tại ngày 01/01/2025 công ty có số dư với bên liên quan là ông Nguyễn Quang Thắng – Chủ tịch HĐQT. Từ ngày 16/08/2025 ông Nguyễn Quang Thắng không còn là chủ tịch HĐQT và không còn là bên liên quan với Công ty.

7.3.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không phát sinh giao dịch và công nợ với các bên liên quan khác.

7.4. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

7.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.



Người lập biểu
Vũ Thành Thuyên



Kế toán trưởng
Vũ Thành Thuyên



Tổng Giám đốc

Nguyễn Khánh Hoàn
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

